

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2017
“V/v: Tranh chấp HN&GD”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Dương.

2. Bà Đỗ Thị Ngoãn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh BP.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 223/2017/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017. Về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th; Sinh năm 1993. (Có mặt).

HKTT: Thôn 6, xã M, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã M, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đình H; Sinh năm 1992. (Có mặt).

HKTT: Thôn Trà 2, xã Q, huyện QX, tỉnh T.

Nơi cư trú: Thôn 2, xã M, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới, sống chung với nhau từ năm 2010, nhưng do anh H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đến năm 2015 mới đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện QX, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1

hai năm; Đầu năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H hay tụ tập cùng bạn bè nhậu nhẹt, không chăm lo cuộc sống gia đình, nhiều lần đánh đập chị kể cả trong thời gian chị mang thai. Tháng 7/2017 chị và anh H sống ly thân cho đến nay; Nay chị không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Chị và anh H có 02 con chung là Lê Đình H, sinh ngày 16/6/2011 và Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 04/5/2015. Chị có nguyện vọng mỗi người có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, chị nuôi con nhỏ, anh H nuôi con lớn; không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị và anh H không có tài sản, nợ chung.

Bị đơn Lê Đình H trình bày: Anh xác nhận trình bày của chị Th về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân hiện nay, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Th trình bày là đúng. Tuy nhiên, do vẫn còn tình cảm với chị Th, nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống các con, nên anh có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình.

Anh và chị Th có 02 con chung như chị Th trình bày là đúng, nếu chị Th cương quyết ly hôn anh đồng ý phương án nuôi con như chị Th yêu cầu. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ chị Th cung cấp, Tòa án thu thập như: Đơn khởi kiện ngày 11/7/2017, lời khai của chị Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; Lời khai của anh H ngày 21, 25 tháng 8 năm 2017; giấy chứng nhận kết hôn số 39/2015 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện QX, tỉnh T cấp ngày 20/5/2015 chứng nhận kết hôn cho anh H chị Th; 02 giấy khai sinh của Lê Đình H và Lê Nguyễn Thảo M thể hiện: Chị Th và anh H tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2013 và chủ yếu do lỗi của anh H; chị Th ly thân từ đầu tháng 7/2017 cho đến nay; Vợ chồng có 01 con trai là Lê Đình H, sinh ngày 16/6/2011 và 01 con gái là Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 04/5/2015; Chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng 01 con lớn, anh H nhất trí với ý kiến của chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thời gian đầu chung sống không đăng ký kết hôn do anh H chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, đến năm 2015 anh H chị Th đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện QX, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên là hôn nhân hợp pháp; Quá trình chung sống chị Th và anh H không có hạnh phúc, nguyên nhân là

do anh H ham vui bạn bè, nhiều lần uống rượu say đánh đập, xúc phạm chị Th. Đây là hành vi bạo lực gia đình vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến chị Th phải bỏ nhà sống ly thân từ đầu tháng 7/2017 cho đến nay; Anh H có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Chị Th và anh H có 02 con chung là Lê Đình H, sinh ngày 16/6/2011 và Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 04/5/2015; Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu M, giao cho anh H nuôi cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai; Ý kiến của anh H nếu ly hôn anh đồng ý nuôi con lớn, chị Th nuôi con nhỏ, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai như yêu cầu của chị Th. Xét thấy, cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; Hiện tại cả chị Th và anh H đều là công nhân có mức thu nhập ngang nhau, điều kiện sinh sống như nhau, cháu H đã hơn 6 tuổi, cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi, nên yêu cầu của chị Th, ý kiến của anh H đề nghị giao cháu M cho chị Th, giao cháu H cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị Th và anh H không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Lê Đình H.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Th có quyền và nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Nguyễn Thảo M, sinh ngày 04/5/2015; Anh Lê Đình H có quyền và nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Đình H, sinh ngày 16/6/2011. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp trước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00221429 ngày 28/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh BP.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- UBND xã Q;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ